

Số:/ -ĐHSPTV

Nghệ An, ngày.....tháng.....năm 2017

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Quản trị nhân lực
- Mã số: 52340404
- Trình độ đào tạo: Đại học

Kính gửi:

I. Sự cần thiết mở mã ngành đào tạo

1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh là trường Đại học công lập của Bộ Lao Động - Thương Binh và Xã hội, dưới sự quản lý chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiền thân là Trường Công nhân kỹ thuật Vinh được thành lập năm 1960 theo Nghị định số 113 CP/PG ngày 08 tháng 4 năm 1960 của Thủ tướng. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh hiện nay là một trong bốn trường Đại học trên cả nước có nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên dạy nghề có trình độ đại học, đào tạo kỹ sư công nghệ kỹ thuật. Nhà trường đã có truyền thống 55 năm, đã đào tạo được hơn 30.000 lao động kỹ thuật, giáo viên dạy nghề và kỹ sư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, có đóng góp to lớn trong công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý. Năm 2010, Nhà trường vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập Hạng nhì.

Trường đóng tại địa chỉ: Số 117, đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Với đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên đủ về số lượng, được đào tạo bài bản từ nhiều trường đại học lớn trong nước và ở nước ngoài đã và đang đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học, cao đẳng. Cụ thể, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Nhà trường có 301 người, trong đó có hơn 70% số giảng viên có trình độ sau đại học. Trong nhiều năm, Nhà trường chú trọng công tác phát triển đội ngũ, đã tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên làm nghiên cứu sinh, học cao học, dự các lớp tập huấn theo chương trình dự án. Ngoài ra, Trường còn tổ chức các lớp học ngoại ngữ, các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và đang có kế hoạch bồi dưỡng theo chuyên đề tại các trường đại học có uy tín và đào tạo cùng ngành nghề. Số liệu về đội ngũ giảng viên cơ hữu, các điều kiện đảm bảo chất lượng.

Nhà trường có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại gồm hệ thống giảng đường với hơn 120 phòng học, hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và thư viện phục vụ tốt cho việc học tập, nghiên cứu của HSSV và đảm bảo việc thực hiện mục tiêu chương trình đào tạo. Hơn nữa, Nhà trường đang được Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương và các bộ ngành, đặc biệt là Bộ LĐ-TB&XH quan tâm tiếp tục đầu tư, xây dựng và phát triển. Cụ thể, Trường đã xây dựng cải tạo tương đối hoàn chỉnh các nhà xưởng thực hành, nhà học lý thuyết, nhà thí nghiệm, nơi ăn ở cho HS-SV khá đầy đủ, tiện nghi. Trong đó, cụm xưởng thực hành, phòng thí nghiệm có diện tích sử dụng 2608,6 m², nhà học lý thuyết, giảng đường 1292 m², hội trường 450 chỗ ngồi gần 1000 m², nhà ở học sinh, sinh viên 3885 m².

Từ năm 2005, Trường đã lập quy hoạch tổng thể cho công tác xây dựng phát triển mở rộng để từng bước triển khai thực hiện. Cùng với việc hoàn thiện các công trình xây dựng trên khu đất 8 ha hiện có của Trường, Dự án đề xuất đất mở rộng xây dựng Trường thêm 42 ha cũng đã được Bộ, Tỉnh phê duyệt đưa tổng số diện tích lên 50 ha (trong đó diện tích cũ đã xây dựng gồm 7,9 ha, diện tích đã đền bù và san lấp mặt bằng là 3,4 ha, diện tích đã phê duyệt mặt bằng là 38,7 ha).

Về trang thiết bị phục vụ cho đào tạo, Trường được trang bị, cấp mới theo Dự án ADB với giá trị hơn 36 tỷ, các máy móc, thiết bị hiện có trước đó và các tài sản khác tổng giá trị 118,479 tỷ đồng.

Thư viện trường có diện tích 1144 m² với hơn 1200 đầu sách, gần 50000 bản, 20 loại tạp chí và trên 40 loại báo; có phòng đọc điện tử với 30 máy tính nối mạng, đang từng bước xây dựng hiện đại. Ngoài ra còn có nhà thể thao, sân bãi, nhà gửi xe cùng với cảnh quan, môi trường sư phạm sạch đẹp. Trường đã đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị, sách và tài liệu phục vụ công tác đào tạo bằng các nguồn vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn chương trình mục tiêu và nguồn vốn đầu tư từ dự án. Cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo chất lượng.

Công tác nghiên cứu khoa học của Trường tập trung vào lĩnh vực khoa học giáo dục nghề nghiệp; nghiên cứu ứng dụng và triển khai kỹ thuật công nghệ; nghiên cứu dự báo nhu cầu lao động trong tương lai phục vụ công tác đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học cơ bản. Về số lượng trong 5 năm gần đây, giảng viên, cán bộ của Nhà trường đã tham gia 23 đề tài cấp cơ sở, 11 đề tài cấp bộ, cấp tỉnh, cấp nhà nước; Đã có hàng trăm bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế. Nhà trường đã và đang đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ kết hợp với công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, chú trọng các đề tài về khoa học sư phạm dạy nghề, lao động và việc làm. Khuyến khích giảng viên, cán bộ tích cực tham gia các đề tài, đề án cấp bộ, cấp tỉnh và cấp Nhà nước. Qua đó, từng bước nâng cao hơn nữa vị thế, uy tín của Trường xứng đáng là một trung tâm nghiên cứu khoa học của vùng lãnh thổ và cả nước, tạo ra môi trường

hoạt động học thuật tốt, tạo ra cơ hội cho giảng viên, cán bộ của Trường không ngừng nâng cao trình độ, đảm bảo công tác giảng dạy có chất lượng.

Hiện nay, Trường ĐHSPKT Vinh đang đào tạo 4 ngành trình độ thạc sỹ, 10 ngành trình độ đại học. Đến tháng 8/2017 đã có 1 khóa thạc sỹ tốt nghiệp với tổng số 34 học viên và 8 khóa sinh viên đại học tốt nghiệp.

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh có đủ đội ngũ cán bộ giảng viên trình độ Tiến sỹ, thạc sỹ thuộc lĩnh vực Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán. Với ngành Quản trị nhân lực Trường có 02PGS – tiến sỹ, 2 tiến sỹ, 17 Thạc sỹ về Kinh tế, Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh và Kế toán. Các cán bộ giảng viên được đào tạo tại các trường trong và ngoài nước.

2. Sự cần thiết mở mã ngành Quản trị nhân lực

Nghệ An là một tỉnh nằm ở vùng kinh tế Bắc Trung bộ, là khu vực được đánh giá có tiềm năng phát triển kinh tế lớn nhưng đây là vùng đất còn nhiều khó khăn để phát triển. Sự khó khăn này xuất phát từ rất nhiều nguyên nhân khác nhau, mà một trong những nguyên nhân đó là chất lượng về nguồn nhân lực, trong đó có đội ngũ cán bộ Quản trị nhân lực tại địa phương vẫn chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động Quản trị nhân lực. Trong khi đó, mỗi ngành đào tạo sẽ đào tạo ra một lực lượng nhân sự trong lĩnh vực tương ứng với ngành đó, nó phải xuất phát từ nhu cầu của xã hội và đối với địa phương, đối với bản thân người học. Do đó, việc xây dựng ngành Quản trị nhân lực cũng phải xuất phát từ nhu cầu trên.

Nhìn trên diện rộng, mọi xã hội đều có nhu cầu cao đối với cán bộ tốt nghiệp ngành Quản trị nhân lực. Ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, một số ngành lớn trong lĩnh vực Kinh tế thường đào tạo cán bộ cung ứng cho xã hội là ngành Kinh tế; Quản trị nhân lực hay Quản trị kinh doanh. Trong đó, các cử nhân của ngành Quản trị nhân lực đều được cho là có nhu cầu khá lớn bởi hệ thống các doanh nghiệp, các cơ quan hành chính nhà nước trong nền kinh tế là những tổ chức không thể thiếu, trong khi kinh tế - xã hội càng phát triển thì nhu cầu về nguồn nhân lực ở các lĩnh vực này càng cao. Điều này càng thể hiện rõ ở ở vùng địa bàn Bắc Trung bộ, nơi mà tỉnh Nghệ An được xem là trung tâm về Kinh tế của vùng. Trong khi đó, các trường đào tạo về ngành Quản trị nhân lực là chưa có, đặc biệt là ở NghệAn. Theo số liệu thống kê, cả tỉnh Nghệ An hiện nay chưa có trường Đại học nào đào tạo về ngành này, trong khi đó nhu cầu người học về ngành Quản trị nhân lực tại địa phương là rất lớn, chất lượng về nguồn nhân lực ở lĩnh vực này để đáp ứng cho nhu cầu công việc thực tế là chưa cao.

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh là một trong các trường ở khu vực Bắc Trung bộ đào tạo cán bộ về lĩnh vực Kinh tế nói chung của các ngành như Kế toán; Quản trị kinh doanh. Tuy nhiên, những cán bộ kinh tế mà lại am hiểu quản lý và hoạch định thì quả thật không nhiều. Với mục tiêu là đào tạo các Quản trị gia có kiến thức

chuyên sâu về nhân lực phục vụ cho công tác hoạch định chiến lược nhân lực phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại địa phương và rộng hơn nữa là của khu vực và cả nước.

Bên cạnh đó, trong tình hình hội nhập, có nhiều biến động và chuyển động mạnh mẽ, công tác quản lý, đánh giá, hoạch định chiến lược về nhân lực ở các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội... hiện nay luôn đòi hỏi phải đánh giá một cách đúng đắn, chính xác; điều này đồng nghĩa với việc các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội ... rất cần những cán bộ Quản trị nhân lực có trình độ, có những kiến thức cơ bản, chuyên sâu và hiện đại về quản trị nguồn nhân lực, có năng lực quản lý, hoạch định và giải quyết các vấn đề chuyên môn về quản trị nhân lực trên giác độ lý luận cũng như thực tiễn.

Trước đòi hỏi xuất phát từ nhu cầu thực tế, hiện nay có rất nhiều các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế- xã hội của cả tỉnh Nghệ An cũng như khu vực Bắc Trung bộ hàng năm cần phải bổ sung hàng trăm cử nhân thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp.

Xuất phát từ những lí do trên, việc mở ngành đào tạo Quản trị nhân lực tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh là hết sức cần thiết.

Với truyền thống 55 năm xây dựng, phát triển, cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện mục tiêu chương trình đào tạo, đặc biệt là đội ngũ cán bộ giáo viên được đào tạo bài bản, cầu thị, Nhà trường hoàn toàn tin tưởng vào việc triển khai đào tạo thành công có chất lượng ngành Quản trị nhân lực Nhà trường đề nghị Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

1. Năng lực của cơ sở đào tạo

1.1. Đội ngũ giảng viên.

-Giảng viên cơ hữu.

+ Khoa Đại cương- Ngoại ngữ có 30 giảng viên, trong đó: 3 tiến sỹ, 27 thạc sỹ đủ trình độ và kinh nghiệm để giảng dạy các học phần Đại cương .

+ Khoa Kinh tế có 21 giảng viên, trong đó có 02 PGS - TS; 2 Tiến sỹ, 17 thạc sỹ thuộc chuyên ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực và Kế toán. Các giảng viên sẽ trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành (*Lí lịch khoa học và văn bằng tốt nghiệp đính kèm theo phụ lục*).

Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/học phần của ngành đăng ký đào tạo:

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
1	<i>Đinh Thị Hồng Duyên</i> Năm sinh: 1978 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Tiến sỹ</i> Việt Nam 2016	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực 3TC Tuyển chọn và sử dụng nhân lực 3TC
2	<i>Lê Đình An</i> Năm sinh: 1978 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2015	Quản trị nhân sự	Điều tra XH học 2TC Tổ chức lao động 3TC
3	<i>Huỳnh Sơn Nam</i> Năm sinh: 1986 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2015	Quản trị nhân lực	Quan hệ lao động2TC Định mức lao động3TC
4	<i>Nguyễn Thị Trinh</i> Năm sinh: 1978 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2015	Quản trị nhân lực	Đào tạo nhân lực 3TC Quản trị thực hiện công việc 3TC
5	<i>Trịnh Hồng Nhung</i> Năm sinh: 1991 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2016	Quản trị nhân lực	Thống kê lao động 2TC Nguồn nhân lực 2tC

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
6	<i>Mạc Văn Tiến</i> Năm sinh: 1955 Chức vụ: Giảng viên	Phó Giáo sư 2006	<i>Tiến sỹ</i> Việt Nam 1993	Kinh tế	Quản lý nhà nước về lao động 2TC Quản lý nguồn nhân lực 3TC
7	<i>Nguyễn Quang Huê</i> Năm sinh: 1950 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Tiến sỹ</i> Bulgaria 1990	Kinh tế lao động	Hoạch định nhân lực 3TC Hành vi tổ chức 2TC
8	<i>Nguyễn Thị Thơ</i> Năm sinh: 1989 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2014	Quản trị kinh doanh	Phương pháp nghiên cứu kinh tế 2TC Kinh tế lượng 2TC
9	<i>Nguyễn Thị Kim Oanh</i> Năm sinh: 1986 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2016	Quản trị kinh doanh	Quản trị học 3TC Quản trị chiến lược 3TC
10	<i>Lê Thị Ngân</i> Năm sinh: 1989 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2015	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp 3TC Kinh tế và quản lý môi trường 2TC
11	<i>Nguyễn Thị Trâm</i> Năm sinh: 1975 Chức vụ: Trưởng khoa	Giảng viên	<i>Tiến sỹ</i> Việt Nam 2015	Kinh tế chính trị	Kinh tế phát triển 2TC Văn hóa kinh doanh 3TC
12	<i>Nguyễn Thị Mỹ Trang</i> Năm sinh: 1988 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2016	Kinh doanh và quản lý	Kinh doanh quốc tế 2TC Quản trị tài chính 3TC
13	<i>Lê Thị Bích Ngọc</i> Năm sinh: 1987 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2014	Kinh doanh và quản lý	Dân số và môi trường 2TC
14	<i>Trần Minh Đức</i> Năm sinh: 1980 Chức vụ: Trưởng bộ môn Kế toán	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2011	Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý kế toán 2TC Tạo lập và phát triển doanh nghiệp 3TC

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
15	<i>Nguyễn Thị Hoa</i> Năm sinh: 1990 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2017	Kinh doanh và quản lý	Kinh tế vi mô 2TC Quản trị tiền công, tiền lương trong doanh nghiệp 3TC
16	<i>Chu Thị Cẩm Hà</i> Năm sinh: 1988 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2014	Kinh doanh và quản lý	Quản trị nhóm làm việc 2TC
17	<i>Chu Thị Anh Đào</i> Năm sinh: 1986 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2012	Kinh tế	Phân tích hoạt động kinh doanh 2TC An toàn lao động 3TC
18	<i>Nguyễn Thị Mai Hương</i> Năm sinh: 1989 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2014	Tài chính Ngân hàng	Tài chính - Tiền tệ 2TC Đàm phán kinh doanh 3TC
19	<i>Nguyễn Thị Thảo</i> Năm sinh: 1987 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2012	Kế toán	Kinh tế vĩ mô 2TC Nghịệp vụ bảo hiểm xã hội 2TC
20	<i>Lê Trọng Phong</i> Năm sinh: 1978 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2003	Tâm lý học	Tâm lý học lao động 2TC
21	<i>Nguyễn Khắc Hải</i> Năm sinh: 1965 Chức vụ: Trưởng khoa	Giảng viên chính	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2001	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 5TC
22	<i>Nguyễn Công An</i> Năm sinh: 1977 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2007	Triết học	Tư tưởng Hồ Chí Minh 2TC Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam 3TC
23	<i>Lê Việt Hà</i> Năm sinh: 1984 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2011	Luật học	Pháp luật đại cương 2TC

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
24	<i>Hồ Ngọc Vinh</i> Năm sinh: 1977 Chức vụ: Trưởng khoa	Giảng viên	<i>Tiến sỹ</i> Việt Nam 2012	Tin học	Nhập môn tin học 3TC
25	<i>Nguyễn Thị Lan Phương</i> Năm sinh: 1973 Chức vụ: P.Trưởng khoa	Giảng viên chính	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2005	Tiếng Anh	Tiếng Anh cơ bản 1 : 3TC
26	<i>Đoàn Thị Bích Diễm</i> Năm sinh: 1979 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2005	Tiếng Anh	Tiếng Anh cơ bản 2: 3TC
27	<i>Bùi Thị Xuân Linh</i> Năm sinh: 1978 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2005	Tiếng Anh	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực 3TC
28	<i>Lê Hồng Sơn</i> Năm sinh: 1979 Chức vụ: Trưởng khoa	Giảng viên	<i>Tiến sỹ</i> Belarus 2009	Toán	Toán cao cấp 2TC
29	<i>Hoàng Công Minh</i> Năm sinh: 1985 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2016	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất I (TD+ĐK) 2: 1TC Giáo dục thể chất I (TD+ĐK) 1: 1TC
30	<i>Nguyễn Xuân Trường</i> Năm sinh: 1989 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	Cử nhân Việt Nam 2013	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất I (TD+ĐK) 3: 1TC Giáo dục thể chất II (Bóng chuyền) 1: 1TC
31	<i>Phan Văn Thám</i> Năm sinh: 1978 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	Thạc sỹ Việt Nam 2016	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất II (Bóng chuyền) 2: 2TC
32	<i>Nguyễn Đình Tuấn</i> Năm sinh: 1979 Chức vụ: Giảng viên	Giảng viên	<i>Thạc sỹ</i> Việt Nam 2011	Giáo dục thể chất, quốc phòng	Giáo dục Quốc phòng - an ninh 1: 2TC

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
33	Nguyễn Văn Luyện Năm sinh: 1976 Chức vụ: Trưởng Bộ môn	Giảng viên	Thạc sỹ Việt Nam 2008	Giáo dục thể chất, quốc phòng	Giáo dục Quốc phòng - an ninh 3TC

1.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

Trường có hệ thống phòng học và phòng thí nghiệm, xưởng thực hành đảm bảo thực hiện các nội dung trong chương trình đào tạo của ngành cần mở.

1.2.1. Phòng học, giảng đường.

- Tổng diện tích đất quy hoạch: 50ha; Tổng diện tích đất hiện đang sử dụng là 17,9ha, trong đó: 7,9ha đã xây dựng xong các công trình kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật; 10,0ha đã thực hiện xong công tác bồi thường và hỗ trợ giải phóng mặt bằng chưa xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Mật độ xây dựng (Chỉ tính cho khu vực đã xây dựng xong 7,9ha): 21,27%

- Tổng diện tích sàn xây dựng toàn Trường: 38.648 m², bao gồm:

+ Khối học tập lý thuyết: Tổng diện tích 15.871m²:

Nhà học 5 tầng: diện tích 12.292m²

Nhà thí nghiệm: diện tích 3.579 m²

+ *Khối thực hành:* Tổng diện tích 17.029 m².

Khoa cơ khí động lực: Bao gồm 03 nhà xưởng 1 tầng với tổng diện tích 4.864 m², trong mỗi phân xưởng bố trí cơ cấu phòng là: 01 xưởng đặt máy móc thiết bị, 01 phòng kho, 01 phòng lên lớp ban đầu, 01 khu vệ sinh.

Khoa cơ khí chế tạo: Bao gồm 03 nhà xưởng 1 tầng với tổng diện tích 3.954m², trong mỗi phân xưởng bố trí cơ cấu phòng: 01 xưởng đặt máy móc thiết bị, 01 phòng kho, 01 phòng lên lớp ban đầu.

Khoa Điện, Điện tử: Nhà 3 tầng, cấp 3 diện tích 4.544 m²

Khoa CNTT: Nhà 5 tầng, cấp 3. Tổng diện tích 3.667 m².

+ Khối phục vụ học tập: Tổng diện tích 2.035 m²

+ Hội trường: Nhà 1 tầng, cấp 4, diện tích 891 m²

- +Thư viện: Nhà 4 tầng , cấp 3, diện tích 1.144m²
- + Khối hành chính quản trị và phụ trợ: Tổng diện tích 3.743 m²:
- + Phòng làm việc: Nhà 2 và 3 tầng cấp 4, diện tích 2.033 m²
- + Nhà để xe: Nhà 1 tầng, cấp 4, diện tích 1.440m²
- + Khối phục vụ sinh hoạt: Tổng diện tích 2.598m²
- + Ký túc xá: Nhà 5 tầng, cấp 3;
- + Khối rèn luyện thể chất: Sân bãi thể dục thể thao: 2.400m²
- + Hệ thống sân, vườn: Đã xây dựng tương đối đồng bộ và đảm bảo mỹ quan.

1.2.2. Phòng thực hành, chuyên môn hóa và thiết bị phục đào tạo.

Số TT	Tên phòng học, thực hành, chuyên môn hóa	Diện tích (m²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
1	Phòng thực hành Kế toán máy 1	85	Máy vi tính	40 bộ	Kế toán máy
			Máy chiếu	01 bộ	
			Phần mềm kế toán	40 bộ	
2	Phòng thực hành Kế toán máy 2	85	Máy vi tính	40 bộ	Kế toán máy
			Máy chiếu	01 bộ	
			Phần mềm kế toán	40 bộ	
3	Phòng thực hành Kế toán máy 3	85	Máy vi tính	40 bộ	Kế toán máy
			Máy chiếu	01 bộ	
			Phần mềm kế toán	40 bộ	
4	Phòng thực hành Quản trị 1	85	Máy vi tính	36 bộ	Thực hành hành chính nhân sự tổng hợp; thiết kế phân tích công việc
			Máy chiếu	01 bộ	
			Phần mềm quản lý nhân sự	36 bộ	
5	Phòng thực hành Quản trị 2	85	Máy vi tính	36 bộ	Thực hành hành chính nhân sự tổng hợp; thiết kế phân tích công việc
			Máy chiếu	01 bộ	
			Phần mềm quản lý nhân sự	36 bộ	
6	Phòng thực hành Quản trị 3	85	Máy vi tính	36 bộ	Thực hành hành chính nhân sự tổng hợp; thiết kế phân tích công việc
			Máy chiếu	01 bộ	
			Phần mềm quản lý nhân sự	36 bộ	
7	Phòng chuyên môn	85	Máy vi tính	04 bộ	Các học phần

	hóa 1		Máy chiếu	04 bộ	Chuyên ngành
			Thiết bị mạng không dây	04 bộ	
8	Phòng chuyên môn hóa 2	85	Máy vi tính	04 bộ	Các học phần Chuyên ngành
			Máy chiếu	04 bộ	
			Thiết bị mạng không dây	04 bộ	
9	Phòng chuyên môn hóa 3	85	Máy vi tính	04 bộ	Các học phần Chuyên ngành
			Máy chiếu	04 bộ	
			Thiết bị mạng không dây	04 bộ	
10	Phòng chuyên môn hóa 4	85	Máy vi tính	04 bộ	Các học phần Chuyên ngành
			Máy chiếu	04 bộ	
			Thiết bị mạng không dây	04 bộ	

1.2.3. Thư viện, giáo trình, sách.

a. Thư viện.

- Tổng diện tích thư viện: 1144 m² trong đó diện tích phòng đọc: 1144 m²
- Số chỗ ngồi: trên 500; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 30 máy được kết nối mạng LAN và internet đường truyền Listline dung lượng 2 Mb.
- Phần mềm quản lý thư viện: Microsoft Office 2003, phần mềm học tiếng Anh LangMaster, phần mềm virus mạng Kaspersky.
- Thư viện điện tử: Số lượng sách, giáo trình điện tử: hơn 2000 đầu sách, gần 75000 bản, 20 loại tạp chí và trên 40 loại báo; Hơn 200 tên luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ của cán bộ giảng dạy nhà trường đã bảo vệ thành công tại các cơ sở đào tạo khác; 500 đồ án tốt nghiệp của sinh viên.

b. Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo.

- Danh mục giáo trình của ngành đào tạo:

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Chương trình môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	BGD & ĐT	NXB GD			Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	BGD & ĐT	NXB CTQG			
	Triết học Mác Lênin (Tập 1, 2)	Bộ GD&ĐT	NXB GD	2001		
	Lịch sử Triết học	Phạm Văn Chín	NXB GD	2001		
2	Chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh	BGD & ĐT	NXB GD			Tư tưởng Hồ Chí Minh
	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	BGD & ĐT	NXB CTQG			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HV CTQGHCM	NXB ĐHQGHN	2001		
	Tập bài giảng tư tưởng HCM	HV CTQGHCM	NXB CTQG	2000		
3	Chương trình môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	BGD & ĐT ban hành	NXB GD			Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	BGD & ĐT ban hành	NXB GD			
	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Phạm Văn Sinh	NXB KTQD	2008		
	70 năm Đảng cộng sản VN	Thông tấn xã VN	NXB TT	2003		
4	Chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh trình độ đại học, cao đẳng	Ban hành kèm theo Quyết định số: 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng BGD & ĐT				Giáo dục Quốc phòng – An ninh
5	Lý luận và phương pháp GDTC trong các trường Đại học	Vụ Giáo dục thể chất – Bộ GD&ĐT	NXB GD	1995		Giáo dục thể chất
6	Total English –	Richard Acklam,	Pearson	2008		Tiếng anh cơ

	PreIntermediate, Students' book	Araminta Crace	Longman			bản 1
	Total English – PreIntermediate, Workbook	Richard Acklam, Araminta Crace	Pearson Longman	2008		
	New Headway (Tập 1, 2, 3)	John Soars	NXB ĐHQGHN	2003		
	Tiếng Anh giao tiếp (Tập 1, 2)	Clive Oxender	NXB GTVT	2004		
7	Achieve Toeic Bridge	Renald Rilky	Marshall Cavendish Education	2008		Tiếng anh cơ bản 2
	Learning to Listen- Student book 1	Lin Lougheed	Macmillan	2003		
	Smart Choice – Element	Oxford	NXB GD	2007		
	Smart Choice – Pre Inter	Oxford	NXB GD	2007		
	Smart Choice – Inter	Oxford	NXB GD	2007		
8	Toán học cao cấp (Tập 1, 2)	Nguyễn Đình Trí (chủ biên)	NXB GD	2000		Toán cao cấp
	Bài tập toán học cao cấp (Tập 1, 2)	Nguyễn Đình Trí (chủ biên)	NXB GD	2000		
	Giúp ôn tập môn toán cao cấp (Tập 1)	Lê Ngọc Lăng	NXB GD	1997		
	Phép tính vi tích phân	Phan Quốc Khánh	NXB GD	1996		
	Toán cao cấp (Tập 2)	Tạ Văn Đĩnh	NXB GD	2010		
9	Giáo trình pháp luật đại cương	BGD & ĐT	NXB CTQG	2010		Pháp luật đại cương
	Giáo trình pháp luật đại cương	Trường ĐH KTQD	NXB TK	2010		
	Tập bài giảng về nhà nước và pháp luật (Tập 1, 2)	HVCTQG	NXB CTQG	2000		
	Pháp luật đại cương	Đinh Xuân Thắng	NXB GD	2001		
10	Giáo trình nhập môn tin học	Tô Văn Nam	NXB GD	2005		Nhập môn tin học

	Ngôn ngữ lập trình Pascal	Quách Tuấn Ngọc	NXB TK	2001		
	Giáo trình tin học căn bản	Quách Tuấn Ngọc	NXB TK	2001		
	Nhập môn Tin học	Bùi Huy Quỳnh	NXB GD	1999		
11	Essentials of Human Resource Management	Shaun Tyson	ISBN 0750667958	2001		Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực
	Human resource management	J. Coyle-Shapiro, K. Hoque, I. Kessler, A. Pepper, R. Richardson and L. Walker	University of London	1997		
	Human Resource Management: A Contemporary Approach	Tim Claydon	Financial Times Management	2001		
12	Bài giảng Nguyên lý kinh tế vi mô	Nguyễn Văn Ngọc	NXB ĐHKQTĐ	2007		Kinh tế vi mô
	Kinh tế học vi mô	Bộ GD&ĐT	NXB GD	2001		
13	Giáo trình Nguyên lý kinh tế vĩ mô	Bộ môn Kinh tế vĩ mô	NXB Lao động	2010		Kinh tế vĩ mô
	Kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Văn Dân	NXB Tài chính	2012		
14	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Trần Tiến Khai	NXB Lao động xã hội	2014		Phương pháp nghiên cứu kinh tế
15	Giáo trình phân tích kinh doanh	Nguyễn Văn Công	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2009		Phân tích hoạt động kinh doanh
	Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Thị Gái	Nhà xuất bản Thống kê	2004		
16	Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012		Tài chính tiền tệ
17	Kinh doanh quốc tế	Đỗ Đức Bình	NXB Lao	2004		Kinh doanh

		Nguyễn Thường Lạng	động – xã hội			quốc tế
18	Kinh tế phát triển	Phan Thúc Huân	Nhà xuất bản thống kê	2006		Kinh tế phát triển
	Kinh tế phát triển	Đinh Phi Hổ Lê Ngọc Uyển Lê Thị Thanh Tùng	Nhà xuất bản thống kê	2006		
19	Kinh tế lượng	Nhâm Văn Toán	Đại học Mỏ - Địa chất	2007		Kinh tế lượng
20	Nguyên lý kế toán	Mai Thị Hoàng Minh Đặng Thị Hoa	NXB Phương Đông	2012		Nguyên lý kế toán
	Giáo trình Nguyên lý kế toán	Phạm Thành Long Trần Văn Thuận	NXB Giáo dục Việt Nam	2010		
21	Giáo trình Dân số và Môi trường	Trịnh Khắc Thâm	NXB Lao động- Xã hội	2007		Dân số và môi trường
	Bài giảng Dân số và môi trường thế giới	Nguyễn Đình Cử	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2010		
22	Giáo trình Nguồn nhân lực	Nguyễn Tiệp	NXB Lao động – Xã hội	2005		Nguồn nhân lực
23	Giáo trình Thống kê Lao động	Phan Công Nghĩa	Nhà xuất bản Thống kê	2009		Thống kê lao động
	Giáo trình Thống kê doanh nghiệp	Phạm Ngọc Kiểm	NXB Thống kê	2009		
24	Giáo trình Tâm lý học lao động	Lương Văn Úc	NXB ĐH KTQD	2011		Tâm lý học lao động
	Tâm lý học lao động	Đào Thị Oanh	NXB ĐH Quốc Gia HN	1999		
	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Nguyễn Đình Xuân	NXB Chính trị Quốc gia	1996		

25	Giáo trình Quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà Nguyễn Thị Ngọc Huyền	NXB Tài chính	2009		Quản trị học
	Giáo trình Quản trị học	Nguyễn Xuân Diên	NXB Tài chính	2014		
26	Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân Nguyễn Văn Điềm	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012		Quản trị nhân lực
	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	NXB Thống kê	2006		
27	Giáo trình giao dịch và đàm phán kinh doanh	Hoàng Đức Thân	NXB Thống kê	2006		Đàm phán kinh doanh
	Đàm phán thương mại	Nguyễn Văn Hồng	NXB Thống kê	2012		
28	Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp	Nguyễn Ngọc Huyền	NXB ĐHKQTĐ	2011		Tạo lập và phát triển doanh nghiệp
29	Tổ chức lao động	PGS.TS Nguyễn Tiệp	NXB Lao động – xã hội	2007		Tổ chức lao động
30	Giáo trình Định mức lao động (Tập 1, Tập 2)	PGS.TS Nguyễn Tiệp	NXB Lao động – xã hội	2008		Định mức lao động
31	Giáo trình hoạch định nguồn nhân lực và phân tích công việc	Hà Thị Thanh Thủy	NXB Trường Đại học tài nguyên và môi trường Hà Nội	2011		Hoạch định nhân lực
32	Giáo trình tuyển dụng nhân lực	Mai Thanh Lan	NXB Thống kê	2014		Tuyển chọn và sử dụng nhân lực
33	Cấu trúc máy vi tính	Trần Quang Vinh	NXB GD	1999		Quản trị thực hiện công việc
34	Giáo trình Tiền lương	Nguyễn Tiệp	NXB Lao	2007		Quản trị tiền

	tiền công		động - Xã hội			công, tiền lương trong doanh nghiệp
35	Giáo trình Nguồn nhân lực	Nguyễn Tiếp	NXB Lao động – Xã hội	2005		Đào tạo nhân lực
	Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân Nguyễn Văn Điềm	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012		
36	Giáo trình An toàn lao động	Lưu Đức Hòa	NXB Đại học Đà Nẵng	2002		An toàn lao động
	Giáo trình An toàn lao động	Nguyễn Thế Đạt	NXB Giáo dục	2007		
37	Giáo trình Kinh tế môi trường	Nguyễn Đức Lợi Phạm Văn Nhật	NXB Tài chính	2013		Kinh tế và quản lý môi trường
	Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường	Nguyễn Thế Chinh	NXB Thống kê	2003		
38	Giáo trình Quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012		Quản trị chiến lược
	Quản trị chiến lược	Nguyễn Khoa Khôi Đồng Thị Thanh Phương	NXB Thống kê	2008		
39	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	Phạm Quang Trung	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2012		Quản trị tài chính
	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Thu Thủy	NXB Lao động	2011		
40	Một số vấn đề quản lý nhà nước kinh tế, văn hóa, giáo dục trên thế giới và Việt Nam	Lê Thanh Bình	NXB. Chính trị Quốc gia	2009		Quản lý nhà nước về lao động
	Ansel M.Sharp, Charles	Ansel M.Sharp,	NXB Lao	2005		

	A.Register, Paul W.Grimes (2005)	Charles A.Register, Paul W.Grimes	động			
	Chính phủ trong Nhà nước pháp quyền,	Nguyễn Đăng Dung	NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội	2008		
41	Giáo trình Bảo hiểm xã hội	Hoàng Mạnh Cừ	NXB Tài chính	2011		Nghịệp vụ bảo hiểm xã hội
	Giáo trình Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012		
	Giáo trình Bảo hiểm xã hội	Võ Thành Tâm	NXB Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	2013		
42	Giáo trình Xã hội học	Nguyễn Văn Sanh	NXB Tài chính	2009		Xã hội học
	Giáo trình Điều tra xã hội học	Trần Thị Kim Thu	NXB ĐH KTQD	2012		
	Xã hội học	Phạm Tất Dong Lê Ngọc Hùng	NXB đại học Quốc Gia	1997		
	Lập trình ASIC (Tập 1, 2)	Tổng Văn On	NXB LĐXH	2002		
43	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	Ngô Kim Thanh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012		Quản trị doanh nghiệp
	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	Nguyễn Văn Ký Lã Thị Ngọc Diệp	NXB Hà Nội	2005		
44	Giáo trình văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2011		Văn hóa kinh doanh
45	Giáo trình Quan hệ lao động	Nguyễn Tiệp	NXB Lao động – Xã hội	2008		Quan hệ lao động
46	Giáo trình Hành vi tổ chức	Bùi Anh Tuấn Phạm Thúy	NXB Đại học Kinh tế	2011		Hành vi tổ chức

		Hương	Quốc dân			
47	Giáo trình kinh tế lao động	Tạ Đức Khánh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2009		Kinh tế lao động
	Kinh tế lao động	Phạm Đức Chính	Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP.HCM	2009		
48	Quản lý nhóm	Lawrence Holpp	NXB Lao động xã hội	2010		Quản trị nhóm làm việc
	Xây dựng nhóm làm việc	Robert B Maddux	NXB Tổng hợp Tp.HCM	2008		
49	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia	2006		Quản lý nguồn nhân lực

- Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo:

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Giáo trình các môn học Triết học Mác-Lênin	BGD & ĐT	NXB CTQG, 2007		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin
	Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học	BGD & ĐT	NXB CTQG, 2007		
	Các tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình Lý luận chính trị	BGD & ĐT	BGD & ĐT		
	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Bộ GD&ĐT	NXB GD, 2001		
	Hướng dẫn ôn tập môn Triết học Mác-Lênin	Phạm Văn Hùng	NXB GD, 1998		
	Tập bài giảng Triết học Mác-Lênin(Tập 1, 2)	HV chính trị quốc gia	NXB CTQG, 2000		
2	Các tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ban tuyên giáo trung ương			Tư tưởng Hồ Chí Minh
	Hồ Chí Minh: toàn tập, tuyển tập, đĩa CDROM Hồ Chí Minh toàn tập				

	Các Nghị quyết, Văn kiện của Đảng				
	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Lê Mậu Hãn	NXB CTQG, 2005		
	Tư tưởng HCM về xây dựng Đảng	Triệu Quang Tiến	NXB LĐXH, 2004		
3	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh			Đường lối cách mạng của đảng cộng sản việt nam
	Các Văn kiện, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.				
	Lịch sử xây dựng Đảng cộng sản việt nam	Đặng Thị Lương	NXB KHKT, 2014		
	Nhà nước và cách mạng	V.I. Lênin	NXB CTQG, 2004		
	Tìm hiểu môn học Lịch sử ĐCSVN	Bùi Kim Đình	NXB LLCT, 2005		
4	Giáo trình quốc phòng (Tập 1, 2)	Bộ GD & ĐT	NXB GD, 2013		Giáo dục Quốc phòng – An ninh
5	Chương trình GDTC trong các trường ĐH – CĐ, ban hành theo quyết định số 1262/GDĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997	Bộ GD & ĐT			Giáo dục thể chất
6	Learning to listen 1	Lìn Loughheed	Macmillan, 2008		Tiếng anh cơ bản 1
	Oxford Practice Grammar – Basic	Norman Coe, Mark Harrison, Ken Paterson	Oxford University Press, 2006		
	Tiếng anh giao tiếp thế kỷ 21	Trần Mạnh Tường	NXB VHTT, 2013		

	Từ vựng tiếng anh theo chủ điểm	Nguyễn Thị Thu Huế	NXB VH TT, 2013		
7	Test Your Reading	Michael Dean	Pearson Education Limited, 2002		Tiếng anh cơ bản 2
	Very Easy Toeic	Anne Taylor, Garrett Byrne	NXB Trẻ, 2007		
	2000 câu hội thoại Tiếng Anh thông dụng	Trần Mạnh Tường	NXB VH TT, 2013		
	Apractical English Grammar Exercises	Trần Mạnh Tường	NXB VH TT, 2013		
8	Human resource management	Manmohan Joshi	ISBN 978 – 87 – 0393 - 3		Tiếng anh chuyên ngành Quản trị nhân lực
	Armstrong's Handbook of Human Resource Management Practice	Micheal Armstrong, Stephen Taylor	ISBN 0749452420		
	Human Resource Management - A critical approach	David G. Collings, Geoffrey Wood	ISBN : 0415462479		
9	Giúp ôn tập tốt toán cao cấp	Tổng Đình Quý	NXB GD, 1998		Toán cao cấp
	Giáo trình giải tích (Tập 2)	Trần Đức Long	NXB ĐHQGHN, 2006		
	Giáo trình Giải tích số	Lê Trọng Vinh	NXB KHKT, 2007		
10	Lập trình Pascal (Tập 1, 2)	Bùi Việt Hà	NXB GD, 2001		Nhập môn tin học
	Lập trình Turbo Pascal 7.0	Hoàng Hồng	NXB GTVT, 1999		
	Tin học đại cương nâng cao	Hoàng Kiếm	NXB GD, 1998		
11	Bộ luật lao động và các văn bản có liên quan		NXB CTQG, 2003		Pháp luật đại cương
	Bộ luật dân sự		NXB CTQG, 2006		
	Bộ luật hình sự		NXB CTQG, 2005		
	Bộ luật tố tụng hình sự		NXB CTQG, 2004		

	Bộ luật tổ tụng dân sự		NXB CTQG, 2005		
	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật	Đại học Quốc gia Hà Nội- Khoa Luật	NXB Tư pháp, 2006		
	Giáo trình pháp luật đại cương	Nguyễn Hữu Viện	NXB GD, 1998		
12	101 bài tập kinh tế vi mô	Ngô Đình Giao	NXB Thống kê, 2000		Kinh tế vi mô
	Giáo trình nguyên lý kinh tế học vi mô	Nguyễn Quang Quỳnh	NXB KTQD, 2010		
13	Kinh tế học vĩ mô	Bộ Giáo dục đào tạo	NXB Giáo dục Việt Nam		Kinh tế vĩ mô
	Hướng dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Ngọc Hoàng Yến	NXB Đại học Kinh tế quốc dân		
14	Giáo trình nghiên cứu kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân 2011		Phương pháp nghiên cứu kinh tế
	Giáo trình thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân 2014		
15	Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh	Huỳnh Đức Lộng	Nhà xuất bản Thống kê, 2010		Phân tích hoạt động kinh doanh
16	Giáo trình Lý thuyết tài chính	Sở giáo dục đào tạo Hà Nội	Nhà xuất bản Hà Nội, 2005		Tài chính tiền tệ
	Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ	Đại Học Công nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh	Nhà xuất bản Thống kê, 2007		
17	Kinh doanh quốc tế	Hà Văn Hội	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông		Kinh doanh quốc tế
	Kinh doanh quốc tế trong thị trường toàn cầu	Dương Hữu Hạnh	NXB Lao động – Xã hội, 2006		
18	Kinh tế học cho thế giới thứ ba	Michael D.	NXB GD, 1998		Kinh tế phát

		Todaro			triển
	Kinh tế học của các nước đang phát triển	E. Wayne Nafziger	NXB Thống kê, 1998		
19	Kinh tế lượng	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	NXB Khoa học kỹ thuật , 1996		Kinh tế lượng
	Basic econometries	Gujarati	Mc Graw-Hill Publishing, 1988		
	The Econometric anlusion of time series	Harvey. AC	John Wiliey & son ine, 1991		
20	Giáo trình Nguyên lý kế toán (Lý thuyết, bài tập và bài giải)	Lê Thị Thanh Hà Trần Thị Kỳ	NXB Thống kê, 2009		Nguyên lý kế toán
	Bài tập Nguyên lý kế toán	Phạm Thị Bích Chi	NXB Thống kê, 2009		
21	Giáo trình Dân số và phát triển	Tô Huy Rứa	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Năm 2005		Dân số và môi trường
	Giáo trình Dân số và phát triển	Tổng Văn Đường	Nhà xuất bản Nông nghiệp, Năm 2002		
22	Tổ chức điều hành nguồn nhân lực	Nguyễn Hương	Nhà xuất bản Lao động - xã hội, 2008		Nguồn nhân lực
	Marketing các nguồn nhân lực	Nguyễn Bách Khoa	Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội, 2003		
23	Giáo trình Thống kê doanh nghiệp	Chu Văn Tuấn	NXB Tài chính, 2010		Thống kê lao động
	Giáo trình lý thuyết thống kê	Trần Thị Kim Thu	NXB Thống kê, 2013		
	Giáo trình Nguyên lý thống kê	Trần Chí Thiện	NXB Thống kê, 2013		
24	Tâm lý học xã hội trong quản lý	Nguyễn Công Hoàn	NXB ĐHQG HN, 1997		Tâm lý học lao động
25	Giáo trình Quản trị học căn	Trần Đăng	NXB ĐH Quốc		Quản trị học

	bản	Thịnh	gia TP HCM, 2016		
	Quản trị học	Phan Thị Minh Châu	NXB Phương Đông, 2011		
26	Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Văn Điền Nguyễn Ngọc Quân	NXB Lao động- Xã hội, 2004		Quản trị nhân lực
	Quản trị nguồn nhân lực	Nguyễn Quốc Tuấn	NXB Thống Kê 2006		
27	Bài giảng Đàm phán kinh doanh	Võ Thị Mai Hà	Khoa QTKD, ĐH Kinh tế Huế		Đàm phán kinh doanh
	Cẩm nang Kinh doanh Harvard – Kỹ năng thương lượng		NXB Tổng hợp TPHCM, 2006		
	Đàm phán trong kinh doanh – Cạnh tranh hay hợp tác		NXB Trẻ, 2006		
28	Tinh thần doanh nhân khởi nghiệp và sự đổi mới	Peter F Drucker	NXB KTQD, 2011		Tạo lập và phát triển doanh nghiệp
29	Giáo trình tổ chức và định mức lao động	Vũ Thị Mai Vũ Thị Uyên	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2016		Tổ chức lao động
	Tổ chức cán bộ, lao động, tiền lư ơng	Đỗ Văn Phúc	NXB Bách Kho a, 2008		
30	Bài tập định mức lao động	Lê Thanh Hà	NXB Lao động – xã hội, 2009		Định mức lao động
	Giáo trình tổ chức và định mức lao động	Vũ Thị Mai Vũ Thị Uyên	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2016		
31	Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực	Nguyễn Văn Điền Nguyễn Ngọc Quân	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2007		Hoạch định nhân lực
	Giáo trình quản trị nhân lực tập 1-2	Lê Thanh Hà	NXB Lao Động- Xã hội, 2009		
32	Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực	Trần Xuân Cầu Mai Quốc Chánh	NXB Kinh tế quốc dân, 2013		Tuyển chọn và sử dụng nhân lực

33	Giáo trình cảm biến công nghiệp	Hoàng Minh Công	NXB XD, 2007		Quản trị thực hiện công việc
	Cơ sở lý thuyết truyền tin	Nguyễn Văn Hậu	NXB KHKT, 2008		
34	Bộ bài tập Tiền lương tiền công	Đỗ Thị Tươi	NXB Lao động – Xã hội, 2008		Quản trị tiền công, tiền lương trong doanh nghiệp
	Sách chuyên khảo Phương pháp nghiên cứu Lao động – Tiền lương	Nguyễn Tiệp	NXB Lao động - Xã hội, 2008		
	Chính sách tiền lương – kinh nghiệm của một số nước trên thế giới	Bộ Lao động – Thương binh và xã hội	NXB Lao động - Xã hội, 2005		
35	Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực	Trần Xuân Cầu Mai Quốc Chánh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012		Đào tạo nhân lực
	Bộ luật Lao động Việt Nam	Quốc hội	NXB Lao động		
36	Giáo trình kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	Nguyễn Văn Nhân Trần Văn Phúc Ân	Trường ĐH Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, 2007		An toàn lao động
	Khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động	Văn Đình Đệ	NXB Giáo dục, 2001		
	Giáo trình An toàn lao động		Trường ĐH Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, 2009		
37	Giáo trình Kinh tế môi trường	Hoàng Xuân Cơ	NXB Giáo dục, 2005		Kinh tế và quản lý môi trường
	Giáo trình Kinh tế tài nguyên và môi trường	Phạm Thị Bích Thủy	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2010		
38	Giáo trình Quản trị chiến lược	Nguyễn Ngọc Sơn	NXB Giáo dục Việt Nam		Quản trị chiến lược
	Bài tập quản trị chiến lược	Ngô Kim Thành	NXB ĐH Kinh tế quốc dân,		

			2015		
39	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Hải Sản	NXB Lao động		Quản trị tài chính
40	Bộ Luật lao động	Quốc hội	Quốc hội		Quản lý nhà nước về lao động
	Luận án Tiến sỹ “Quản lý Nhà nước về lao động của các doanh nghiệp ở Việt Nam	Vũ Minh Tiến	Đại học Quốc gia Hà Nội		
	Tài liệu giảng dạy “Quản lý Nhà nước về lao động”	TS. Nguyễn Thị Lan Hương	Viện Khoa học lao động và xã hội. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội		
41	Luật Bảo hiểm xã hội		Quốc hội		Nghị vụ bảo hiểm xã hội
	Nghị vụ thu BHXH	BHXH TP Hồ Chí Minh	BHXH TP Hồ Chí Minh		
	Giáo trình Bảo hiểm	Trần Trọng Khoái	Trường Đại học Kinh doanh và Công Nghệ Hà Nội		
42	Nghiên cứu xã hội học	Chung Á Nguyễn Đình Tấn	Nhà xuất bản chính trị quốc gia, 1997		Xã hội học
	Note on date Structuring in structured Programming	Hoare, C.A.R	Dahl, Dijkstra, and Hoare		
43	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	Đồng Thị Thanh Phương	NXB Thống kê		Quản trị doanh nghiệp
44	Giáo trình đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty	Nguyễn Mạnh Quân	NXB Đại học Kinh tế quốc dân		Văn hóa kinh doanh
	Giáo trình văn hóa kinh doanh	Nguyễn Đình Hòa	Dự án phát triển giáo viên THPT&TCCN 2013		
45	Quan hệ lao động trong hội nhập kinh tế quốc tế	Lê Thanh Hà	NXB Lao động – Xã hội, 2008		Quan hệ lao động
	Quan hệ lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	Nguyễn Duy Phúc	NXB Lao động – Xã hội, 2012		

	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lao động, tiền lương và quan hệ lao động	Bộ lao động – thương binh và xã hội	NXB Lao động – Xã hội, 2015		
46	Organizational Behavior	John R. Schermerhorn, James G. Hunt, Richard N. Osborn	John Wiley & Sons Inc, 2002		Hành vi tổ chức
	Quản trị Hành vi tổ chức	Chương trình Đào tạo thạc sỹ QTKD Quốc tế	ĐH Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh		
	Hành vi tổ chức	Stephens P. Robbins	NXB Lao động Xã hội, 2012		
47	Bài giảng kinh tế lao động	Khoa Kinh tế	Trường ĐH SPKT Vinh		Kinh tế lao động
48	Xây dựng nhóm làm việc hiệu quả	Brian Cole Miller	NXB Lao động – Xã hội, 2011		Quản trị nhóm làm việc
	Thuật Lãnh đạo nhóm – Dẫn dắt nhóm đến thành công	Business Edge	NXB Trẻ, 2006		
49	Quản trị nguồn nhân lực	Hà Văn Hội	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2006		Quản lý nguồn nhân lực
	Quản trị nhân sự	Nguyễn Hữu Thân	Nhà xuất bản Thống kê, 2006		

1.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học.

Từ năm 2010 đến nay có 18 đề tài NCKH, nhiều bài báo khoa học đã được cán bộ, giảng viên của nhà trường và khoa hoàn thành, trong đó có 6 đề tài NCKH cấp bộ, 12 đề tài cấp trường. Nhiều đề tài, sản phẩm NCKH đã được chuyển giao và ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn giảng dạy, sản xuất và đời sống.

Các công trình khoa học đã công bố của giảng viên liên quan đến ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo do cơ sở đào tạo thực hiện

Số TT	Tên đề tài	Mã số /Năm	Bộ chủ quản/HĐ	NXB	Người thực hiện (chủ nhiệm/thành	Ghi chú
-------	------------	------------	----------------	-----	----------------------------------	---------

					viên)	
1	Tác động của nhân tố tổ chức tới hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	6/2015		Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 51	Đinh Thị Hồng Duyên	
2	Tác động của nhân tố cá nhân tới hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	7/2015		Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 52	Đinh Thị Hồng Duyên	
3	Nội dung số cho mạng di động - những vấn đề về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực,	6/2011.		Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông, số 400	Đinh Thị Hồng Duyên	
4	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp nội dung số cho mạng di động.	7/2011		Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông, Số 404.	Đinh Thị Hồng Duyên	
5	Vai trò của công tác đào tạo nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp nội dung số tại Việt Nam.	7/2014		Tạp chí Giáo dục và Xã hội, Số 40	Đinh Thị Hồng Duyên	
6	Đào tạo nguồn nhân lực Công nghiệp nội dung số: Từ kinh nghiệm quốc tế đến thực trạng Việt Nam	7/2014		Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông, Số 473	Đinh Thị Hồng Duyên	
7	Quá trình hình thành và phát triển ngành công nghiệp nội dung số ở Việt Nam.	7/2014		Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông, Số 475	Đinh Thị Hồng Duyên	

8	Thu hút người tài để phát triển tại các doanh nghiệp nội dung số nổi tiếng thế giới.	9/2014		Tạp chí Giáo dục và Xã hội, Số 42	Đinh Thị Hồng Duyên	
9	Human Resources Training Effectiveness of Enterprises in the Digital content industry in Vietnam" Hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp nội dung số ở Việt nam,	5/2015		Atlas-AFMI 2015 Conference in Hanoi,	Đinh Thị Hồng Duyên	
10	Đào tạo nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp nội dung số trong giai đoạn khó khăn.	4/2015		Tạp chí Lao động và xã hội số 501	Đinh Thị Hồng Duyên	
11	Hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp công nghiệp nội dung số Việt Nam	5/2015		Tạp chí Kinh tế và Dự báo – Số 10	Đinh Thị Hồng Duyên	
12	Phát triển nguồn nhân lực khu công nghiệp bắc Thăng Long	2015	Đề tài cấp trường		Nguyễn Thị Trinh	
13	Dịch chuyển lao động có tay nghề trong Asean	2016-2018	Đề tài cấp NN		(Thư ký khoa học) Mạc Văn Tiến	
14	Nghiên cứu các mô hình tổ chức phát triển kỹ năng nghề nghiệp trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam	2015-2016	Đề tài cấp Bộ		(Chủ nhiệm) Mạc Văn Tiến	
15	Lối sống công nhân Việt Nam trong điều kiện công nghiệp hóa	2014-2015	Đề tài cấp NN		(Thành viên chính) Mạc Văn Tiến	
16	Nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực Việt Nam trong bối cảnh hội nhập	2015	Đề tài cấp Bộ		(Chủ nhiệm) Mạc Văn Tiến	

17	Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động trong điều kiện hội nhập	2010-2011	Đề tài cấp Bộ		(Chủ nhiệm) Mạc Văn Tiến	
18	Cơ hội và thách thức đối với lao động Việt Nam khi gia nhập cộng đồng kinh tế Asean	2014		Tạp chí Cộng sản	Mạc Văn Tiến	
19	Thất nghiệp và bảo hiểm thất nghiệp	2013		Tạp chí BHXH	Mạc Văn Tiến	
20	Nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề cho tăng trưởng xanh	2012		Tạp chí Lao động xã hội số 1	Mạc Văn Tiến	
21	Xây dựng hệ thống thang, bảng lương, định biên lao động, tiêu chuẩn lao động cho các tập đoàn EVN, TCT Giấy Việt Nam, TCT Xi măng và các doanh nghiệp khác	2013 - 2014	Đề tài cấp ngành		(Tur vấn trướng) Nguyễn Quang Huê	
22	Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chức danh lao động, định biên lao động cho lao động CMNV, thừa hành, phục vụ cho TCT Bưu điện Việt Nam + TCT Viễn Thông Việt Nam	2011-2013	Đề tài cấp ngành		(Tur vấn trướng) Nguyễn Quang Huê	
23	Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chức danh lao động, định biên lao động, quy chế trả lương cho công ty quản lý bến xe Hà Nội + Cty Tài chính bưu điện + Cty Xi măng Cẩm Phả + Cty Xi măng Hoàng Thạch + Sở GD Chứng khoán Hà Nội + TT Chứng khoán Việt Nam	2010-2012	Đề tài cấp ngành		(Tur vấn trướng) Nguyễn Quang Huê	

24	Những đổi mới về chính sách tiền lương công chức hành chính trong các lần cải cách tiền lương 1985, 1993 và 2004	2011-2013	Đề tài nhánh đề tài cấp Nhà nước		(Chủ nhiệm) Nguyễn Quang Huê	
25	Biến đổi chi phí giá cả tác động đến tiền lương, thu nhập của người lao động trong các loại hình doanh nghiệp	2009-2010	Đề tài cấp Bộ		(Chủ nhiệm) Nguyễn Quang Huê	
26	Xây dựng chế độ tiền lương đối với lao động được đào tạo nghề theo các cấp trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề	2009-2010	Đề tài cấp Bộ		(Phó Chủ nhiệm) Nguyễn Quang Huê	
27	Đề án quan hệ tiền lương 2012-2020	2009-2011	Đề tài cấp Nhà nước		(Chủ nhiệm) Nguyễn Quang Huê	
28	Xác định cơ chế phân phối tiền lương – thu nhập trong các loại hình doanh nghiệp giai đoạn 2006-2010	2008-2009	Đề tài cấp Bộ		(Ủy viên) Nguyễn Quang Huê	
29	Đánh giá áp dụng tiền lương tối thiểu trong các doanh nghiệp liên doanh	2006-2007	Đề tài cấp Bộ		(Chủ nhiệm) Nguyễn Quang Huê	
30	Xây dựng cơ chế tiền lương, tiền thưởng đối với Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng làm việc theo chế độ hợp đồng	2005-2006	Đề tài cấp Bộ		(Phó Chủ nhiệm) Nguyễn Quang Huê	
31	Xác định phương pháp tính năng suất lao động xã hội, năng suất lao động trong một doanh nghiệp trong nền kinh	2005-2006	Đề tài cấp Bộ		(Chủ nhiệm) Nguyễn Quang Huê	

	tế thị trường ở Việt Nam					
32	Nghiên cứu chi phí tiền lương trong giá trị mới sáng tạo ra trong một số ngành chủ yếu (Dệt may, giày da)	2004-2005	Đề tài cấp Bộ		(Chủ nhiệm) Nguyễn Quang Huề	
33	Chính sách tiền lương tối thiểu Việt Nam	2007		LĐ - XH	Nguyễn Quang Huề	
34	Quan hệ tiền lương tối thiểu – trung bình – tối đa	2004		Tạp chí lao động xã hội	Nguyễn Quang Huề	
35	Phương pháp tính năng suất lao động	2000		Tạp chí lao động xã hội	Nguyễn Quang Huề	
36	Chính sách khuyến khích lao động trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao	1998		Tạp chí lao động xã hội	Nguyễn Quang Huề	
37	Chuyển dịch cơ cấu lao động trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Nghệ An	2004	Đề tài cấp trường		(Chủ nhiệm) Nguyễn Thị Trâm	
38	Giải quyết việc làm và bảo đảm đời sống cho người lao động sau khi bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở tỉnh Nghệ An	2015	Đề tài cấp trường		(Chủ nhiệm) Nguyễn Thị Trâm	
39	Giáo trình Quản trị nhân lực	2014		LĐ-XH	(Chủ biên) Nguyễn Thị Trâm	
40	Giải quyết việc làm cho người lao động sau khi bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa ở tỉnh Nghệ An	2010		Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 157, tr 74-77	Nguyễn Thị Trâm	
41	Hỗ trợ nông dân sau khi bị thu hồi đất trong quá trình	2010		Tạp chí Kinh tế và	Nguyễn Thị Trâm	

	phát triển các khu công nghiệp và đô thị ở thành phố Vinh			Phát triển, số 158, tr 48-54		
42	Tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá ở tỉnh Nghệ An.	2011		Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 171, tr 10-16	Nguyễn Thị Trâm	
43	Thực trạng giải quyết việc làm và bảo đảm đời sống cho người lao động sau khi bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hoá ở tỉnh Nghệ An.	2012		Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 185, tr 68-75	Nguyễn Thị Trâm	
44	Lao động và công tác đào tạo nghề tại các khu công nghiệp Nghệ An.	2013		Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 198, tr 92-99	Nguyễn Thị Trâm	
45	Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản của Việt Nam	3/2017		Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 8, tr38-40	Nguyễn Thị Trâm	

1.4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Nhằm đẩy mạnh chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh đã tích cực hợp tác với nhiều trường cao đẳng, đại học trên thế giới. Các lĩnh vực ưu tiên trong hợp tác quốc tế của trường bao gồm hợp tác đào tạo; trao đổi giảng viên, sinh viên; hợp tác nghiên cứu khoa học & trao đổi công nghệ; tổ chức các hội thảo & hội nghị khoa học. Trong thời gian qua, Nhà trường đã thiết lập, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học với một số trường của Cộng hòa Séc, Đức, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, Nhật Bản, Úc v.v..., trao đổi sinh viên với các viện đào tạo của Cộng hòa Séc; hợp tác đào tạo liên thông giữa ba nước Lào, Thái Lan, Việt Nam.

Ngoài lĩnh vực hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh còn liên kết với trường Westminster Kingsway College (Vương quốc Anh) trong đào tạo đánh giá viên kỹ năng nghề theo chuẩn quốc tế, đồng thời hợp tác với City&Guilds, một tổ chức cấp giấy chứng nhận quốc tế để bồi dưỡng kỹ năng sư phạm cho các giáo viên và chuẩn bị cho công tác thành lập trung tâm đánh giá kỹ năng

ngành chuẩn quốc tế. Trường cũng đã làm việc với Viện đào tạo Chisholm (Úc) về việc chuyển giao chương trình và giáo trình đào tạo một số ngành nghề thuộc thế mạnh của Nhà trường, góp phần đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

Hợp tác các cơ sở, doanh nghiệp, các sở KHCN trong nước:

- 15 tài liệu điện tử được đưa vào giảng dạy các trường cao đẳng nghề thuộc Tổng cục dạy nghề
- Cung cấp hàng trăm đồ dùng dạy học kỹ thuật cho các trường cao đẳng, THCN và dạy nghề...

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ...tháng...năm... của Hiệu trưởng trường Đại học SPKT Vinh)

Tên chương trình: Quản trị nhân lực

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị nhân lực

Mã số: 52340404

Loại hình đào tạo: Chính quy

Định hướng chương trình: Chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị nhân lực có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe để có thể làm việc hiệu quả trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực tại doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan quản lý nhà nước. Nhân lực được đào tạo có kiến chuyên ngành vững vàng, tác phong làm việc chuyên nghiệp, ngoại ngữ và tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc của xã hội và điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhận vị trí chuyên viên tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; phụ trách lương – thưởng, chính sách và các chế độ phúc lợi cho người lao động, quan hệ lao động tại các doanh nghiệp. Với nền tảng kiến thức và kỹ năng được trang bị sinh viên tốt nghiệp có khả năng phát triển để đảm nhận các vị trí quản lý, điều hành như: Trưởng phòng Quản lý nhân sự, Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức, Trưởng văn phòng đại diện...

a. Năng lực ngoại ngữ:

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (quy đổi tương đương sang một số chứng chỉ ngoại ngữ khác theo

Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí ...

- Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

- Có khả năng giao tiếp tốt các vấn đề trong lĩnh vực Quản trị nhân lực.

b. Năng lực Tin học:

- Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản: sử dụng máy tính, xử lý văn bản Word, sử dụng bảng tính Excel, sử dụng trình chiếu PowerPoint, sử dụng Internet.

- Có khả năng sử dụng một số phần mềm phổ biến trong quá trình quản trị nhân lực.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi học xong chương trình này sinh viên có khả năng:

a. Kiến thức:

- Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh; các đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước, những vấn đề cấp bách của xã hội.

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

- Hiểu biết về hoạch định và thu hút nguồn nhân lực: Đánh giá mối quan hệ cung – cầu trên thị trường lao động và xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực và sắp xếp bố trí nguồn nhân lực trong tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho tổ chức.

- Phân tích được các kiến thức đào tạo và phát triển nhân lực: Quy trình phân tích công việc, quy trình xây dựng chương trình đào tạo nhân viên, hiểu biết phương pháp tạo dựng tổ chức học tập, quản trị tri thức, phát triển cá nhân và tổ chức.

- Vận dụng kiến thức đãi ngộ cho người lao động: Phương pháp đo lường, đánh giá công việc; thiết kế hệ thống thù lao hợp lý, công bằng, áp dụng triển khai công tác quản trị thù lao hiệu quả và có tính thúc đẩy người lao động.

- Giải thích được các quan hệ lao động: Phương pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong mối quan hệ lao động, tạo dựng môi trường làm việc tốt.

b.Kỹ năng:

- Phân tích, tổng hợp và lập kế hoạch nhân sự.
- Tổ chức và ra quyết định về đào tạo và phát triển nhân sự.
- Lãnh đạo một nhóm để đạt mục tiêu thông qua việc xây dựng kế hoạch, niềm tin, tổ chức triển khai thực hiện công việc.
- Tiếp cận và hiểu rõ đặc điểm cá nhân về những vấn đề cốt yếu như giá trị, quan điểm cá nhân, đặc trưng giá trị văn hóa của người tương tác. Nhạy cảm và chấp nhận sự khác biệt về cá nhân và các yếu tố đa văn hóa.
- Soạn thảo được các báo cáo công việc đúng chuẩn mực; có khả năng thuyết trình, thuyết phục; có khả năng lắng nghe hỗ trợ, chia sẻ thông tin với người khác.

c.Thái độ

- Tuân thủ các quy định của pháp luật
- Hành vi phù hợp với chuẩn mực chung của xã hội.
- Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp
- Hòa đồng, tôn trọng cấp trên, đồng nghiệp, đối tác và khách hàng.
- Có tinh thần trách nhiệm và tác phong chuyên nghiệp trong công việc
- Có thái độ tập trung, sẵn sàng học hỏi và có tinh thần cầu tiến.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 120 Tín chỉ.

4. Đối tượng tuyển sinh.

Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc Bổ túc THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp nghề (nếu chỉ tốt nghiệp THCS phải học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa THPT đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.

5.1. Quy trình đào tạo:

Quy trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐBGDDT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Sinh viên Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc Không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình và điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất.

6. Cách thức đánh giá

Theo Qui chế 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và văn bản hướng dẫn thực hiện của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

7. Nội dung chương trình

I.KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		26 TC
	<i>Khối kiến thức bắt buộc</i>	26
1	Những Nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2
2	Những Nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Pháp luật đại cương	2
6	Tiếng Anh cơ bản 1	3
7	Tiếng Anh cơ bản 2	3
8	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực	3
9	Toáncao cấp	2
10	Nhập môn tin học	3
11	Giáo dục Thể chất	
12	Giáo dục Quốc phòng (165 tiết)	
II.KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		94 TC
II.1.Kiến thức cơ sở khối ngành:		14
	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	10
12	Kinh tế vi mô	2
13	Kinh tế vĩ mô	2
14	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2
15	Phân tích hoạt động kinh doanh	2

16	Tài chính - Tiền tệ	2
	Kiến thức tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn)	4
17	Kinh doanh quốc tế	2
	Kinh tế phát triển	2
18	Kinh tế lượng	2
	Nguyên lý kế toán	2
II.2.Kiến thức cơ sở ngành :		8
19	Dân số và môi trường	2
20	Nguồn nhân lực	2
21	Thống kê lao động	2
22	Tâm lý học lao động	2
II.3.Kiến thức ngành và chuyên ngành		62
23	Quản trị học	3
24	Quản trị nhân lực	3
25	Đàm phán kinh doanh	3
26	Tạo lập và phát triển doanh nghiệp	3
27	Tổ chức lao động	3
28	Định mức lao động	3
29	Hoạch định nhân lực	3
30	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực	3
31	Quản trị thực hiện công việc	3
32	Quản trị tiền công, tiền lương trong doanh nghiệp	3
33	Đào tạo nhân lực	3
34	An toàn lao động	3
35	Kinh tế và quản lý môi trường	2
36	Quản trị chiến lược	3
37	Quản trị tài chính	3
38	Quản lý nhà nước về lao động	2
39	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2
40	Xã hội học	2
41	Quản trị doanh nghiệp	3
42	Văn hóa kinh doanh	3

43	Quan hệ lao động	2
44	Hành vi tổ chức	2
45	Kinh tế lao động	2
II.4. Thực tập và tốt nghiệp		10
46	Thực tập	5
47	Khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.	5
	<i>HP thay thế khóa luận</i>	
	Quản trị nhóm làm việc	2
	Quản lý nguồn nhân lực	3
	Tổng cộng	120

8. Kế hoạch giảng dạy.

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm và được phân chia thành 8 học kỳ như sau:

TT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Loại tín chỉ		ĐK tiên quyết	Học kỳ
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	2ML001DC	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê nin	5		Không	I
2	2NN001DC	Tiếng Anh cơ bản 1	3		Không	
3	2DC001DH	Toán cao cấp	2		Không	
4	2TN001DC	Nhập môn tin học	3		Không	
5	2DC012DC	Giáo dục thể chất I (TD + ĐK) 1	1*		Không	
6	2DC015DH	Giáo dục Quốc phòng - an ninh1	3*		Không	
	Cộng HK I		13	0		
7	2ML002DC	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2ML001DC	II
8	2ML004DC	Pháp luật đại cương	2		2ML001DC	
9	2NN002DC	Tiếng Anh cơ bản 2	3		2NN001DC	
10	2KT001DH	Kinh tế vi mô	2		Không	
11	2KT002DH	Kinh tế vĩ mô	2		Không	
12	2KT003DH	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2		Không	
13	2DC013DC	Giáo dục thể chất I (TD + ĐK) 2	1*		Không	
14	2DC016DH	Giáo dục Quốc phòng - an ninh2	1*		2DC015DH	
	Cộng HK II		13	0		

15	2ML003DC	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3		2ML002DC	III
16	2KT004DH	Tài chính tiền tệ	2		Không	
17	2KT005DH	Phân tích hoạt động kinh doanh	2		Không	
18	2KT006DH	Nguồn nhân lực	2		Không	
19	2DC014DH	Giáo dục thể chất I (TD + ĐK) 3	1*		Không	
20	2KT007DH	Dân số và môi trường	2		Không	
21	2SP001DH	Tâm lý học lao động	2		Không	
22	2KT008DH	Quản trị học	3		Không	
	<i>Chọn 01 trong 02 HP sau</i>					
23	2KT009DH	Kinh doanh quốc tế		2*	Không	
24	2KT010DH	Kinh tế phát triển		2*	Không	
	Cộng HK III		16	02		
25	2NN005DC	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực	3		2NN002DC	IV
26	2DC027DH	Giáo dục thể chất II (Bóng chuyền 1)	1*		Không	
27	2KT011DH	Thống kê lao động	2		2KT001DH	
28	2KT012DH	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2		2KT008DH	
29	2KT013DH	Quản trị nhân lực	3		Không	
30	2KT014DH	Đàm phán kinh doanh	3		Không	
	<i>Chọn 01 trong 02 HP sau</i>				2TN001DC	
31	2KT015DH	Kinh tế lượng		2*	2DC001DH	
32	2KT016DH	Nguyên lý kế toán		2*	Không	
	Cộng HK IV		13	02		
33	2DC028DH	Giáo dục thể chất II(Bóng chuyền 2)	1*		2DC027DH	V
34	2KT016DH	Tạo lập và phát triển doanh nghiệp	3		Không	
35	2KT017DH	Tổ chức lao động	3		Không	
36	2KT018DH	Định mức lao động	3		Không	
37	2KT019DH	Kinh tế và quản lý môi trường	2		Không	
38	2KT020DH	Hành vi tổ chức	2		2SP001DH	
39	2KT021DH	Hoạch định nhân lực	3		Không	
	Cộng HK V		16			
40	2KT022DH	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực	3		2KT013DH	VI
41	2KT023DH	Quản trị thực hiện công việc	3		2KT008DH	

42	2KT024DH	Quản trị chiến lược	3		2KT008DH	
43	2KT025DH	Đào tạo nhân lực	3		Không	
44	2KT026DH	An toàn lao động	3		Không	
45	2KT027DH	Xã hội học	2		Không	
	Cộng HK VI		17			
46	2KT028DH	Quản trị tiền công, tiền lương trong doanh nghiệp	3		2KT008DH	VII
47	2KT029DH	Quản trị tài chính	3		2KT008DH	
48	2KT030DH	Quản trị doanh nghiệp	3		2KT008DH	
49	2KT031DH	Văn hóa kinh doanh	3		Không	
50	2KT032DH	Quan hệ lao động	2		2KT013DH	
51	2KT033DH	Quản lý nhà nước về lao động	2		2KT013DH	
52	2KT034DH	Kinh tế lao động	2		Không	
	Cộng HK VII		18			
53	2KT035DH	Thực tập	5		2DT066DH	
54	2KT036DH	Khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp	5		2DT067DH	
	<i>HP thay thế khóa luận</i>					
55	2KT037DH	Quản trị nhóm làm việc	2*		2KT013DH	
56	2KT038DH	Quản lý nguồn nhân lực	3*		2KT013DH	
	Cộng HK VIII		10			
	Tổng khối lượng thực hiện theo kế hoạch		116	4		

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình.

9.1. Sơ lược về bối cảnh xây dựng chương trình

- Chương trình được thiết kế theo cấu trúc đơn ngành (Single Major), xây dựng trên cơ sở áp dụng chương trình khung giáo dục đại học, hệ Chính qui, trình độ Đại học ban hành theo Quyết định số 23/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Chương trình được xây dựng trên cơ sở thúc đẩy việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường thời lượng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, quan tâm nhiều đến kỹ năng thực hành của sinh viên.

- Chương trình môn học của chuyên ngành sẽ được đánh giá, xem xét lại hàng năm nhằm phát hiện những hạn chế để kịp thời bổ sung, sửa đổi./.

- Việc vận dụng kế hoạch giảng dạy dự kiến để xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng khóa có thể linh động, đảm bảo phù hợp với kế toán đào tạo chung của Nhà trường nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện tiên quyết của các học phần cụ thể.

- Việc bố trí giảng viên giảng dạy các học phần trên cơ sở chuyên môn, trình độ của các giảng viên, có thể thay đổi nhưng cần phù hợp với tính chất môn học được phân công giảng dạy.

- Quá trình thực tập tốt nghiệp do đặc trưng của ngành nghề, sinh viên tự liên hệ địa điểm thực tập là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ quan hành chính sự nghiệp với số lượng tối đa không vượt quá 2 sinh viên/cơ sở thực tập.

9.2. Nguyên tắc sử dụng chương trình

Chương trình này được biên soạn theo hướng đổi mới phương pháp dạy và học đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập. Khối lượng kiến thức của chương trình phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kế hoạch giảng dạy trong chương trình chỉ có tính định hướng. Khi xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể cho mỗi khóa học, trình tự các học phần có thể thay đổi cho phù hợp với điều kiện thực tế nhưng phải đảm bảo điều kiện tiên quyết.

- Thời lượng của học phần trong chương trình được quy đổi như sau:

+ Học phần lý thuyết: 1 TC tương đương A tiết học trên lớp + B giờ (thảo luận trên lớp, hoặc thực hành, hoặc thí nghiệm, bài tập trên lớp) + 30 giờ tự học. ($A + B = 15$ tiết).

+ Học phần thực hành cơ bản: 1 TC tương đương 30 giờ thực hành + 15 giờ tự nghiên cứu.

+ Học phần thực hành chuyên sâu, thí nghiệm: 1 TC tương đương 30 giờ thực hành + 30 giờ tự nghiên cứu.

+ Học phần thực tập tại cơ sở, làm đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp: 1 TC tương đương 80 giờ.

+ Một tiết học lý thuyết được tính bằng 50 phút.

- Khi thực hiện chương trình, cần chú ý mấy điểm sau đây:

+ Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 26 tín chỉ; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 94 tín chỉ, trong đó 88 tín chỉ bắt buộc và 8 tín chỉ tự chọn. Hàng

năm nhà trường sẽ tiếp tục bổ sung thêm các học phần mới để tăng thêm cơ hội lựa chọn cho sinh viên theo xu hướng phát triển của mình.

+ Các sinh viên đang học hoặc đã hoàn thành học phần lý thuyết mới được thực hiện đồ án của học phần đó.

+ Để tư vấn cho sinh viên tự chọn, cần có đội ngũ cố vấn học tập là những người có trình độ, dày dặn kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Các môn Giáo dục thể chất gồm Giáo dục thể chất I (TD+ĐK), Giáo dục thể chất II và Giáo dục quốc phòng – an ninh cũng học theo học chế tín chỉ nhưng được cấp chứng chỉ riêng, không tính điểm trong điểm trung bình chung cuối khóa.

+ Khóa luận tốt nghiệp để sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ vào việc giải quyết nội dung đề tài được giao. Giảng viên hướng dẫn học phần này phải có trình độ chuyên môn tốt, có ít nhất 5 năm kinh nghiệm giảng dạy đúng ngành/ngành.

+ Mỗi học phần có trong chương trình cần thực hiện một số bài kiểm tra ít nhất là bằng số tín chỉ của học phần đó.

II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN.

Đề cương chi tiết học phần ngành Quản trị nhân lực theo học chế tín chỉ được xây dựng dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*kèm theo phụ lục 1*).

Mô tả vắn tắt nội dung học phần và khối lượng các học phần ngành Quản trị nhân lực như sau:

1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê nin

Số TC: 05

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối Không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê nin.

- *Nội dung*: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương

trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối Không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Nội dung*: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối Không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Pháp luật đại cương

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê nin.

- *Nội dung*: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật; Một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, Luật lao động, Luật dân sự, Luật hình sự...

5. Tiếng Anh cơ bản 1

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Nội dung*: Câu điều kiện loại 1 và 2; danh động từ và động từ nguyên thể; mục đích/ nguyên nhân/ kết quả; thể bị động của thì hiện tại đơn và thì quá khứ đơn; câu hỏi; thì quá khứ tiếp diễn và thì quá khứ đơn; can, could, be able to; động ngữ; danh từ đếm được/ Không đếm được; mạo từ xác định; thì hiện tại hoàn thành; động từ có hai tân ngữ; thì quá khứ hoàn thành; lời nói gián tiếp; và both, neither, either.

6. Tiếng Anh cơ bản 2

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Tiếng Anh cơ bản 1

- *Nội dung*: Ôn tập lại các hiện tượng ngữ pháp đã học trong chương trình Tiếng Anh cơ bản 1; mệnh đề quan hệ; câu điều kiện loại 3; bổ trợ thêm kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu; giới thiệu tổng quan về bài thi TOEIC; kỹ năng và thủ thuật làm bài thi; thực hành bài thi mẫu.

7. Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Tiếng Anh cơ bản 2

- *Nội dung*: Học phần Tiếng anh quản trị nhân lực cung cấp các nội dung về tiếng anh liên quan đến chuyên ngành quản trị nhân lực như: Các học thuyết, chính sách về quản trị nhân lực; Quy trình tuyển dụng và tuyển chọn; Quy trình đào tạo và phát triển

nguồn nhân lực; Hành vi và thái độ của người lao động. Bên cạnh đó, học phần cung cấp thông tin hữu ích về hợp đồng lao động giữa người lao động và người thuê lao động.

8. Toán cao cấp

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Nội dung:* Những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính (Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính); các phép toán đạo hàm và vi phân hàm 1, 2 biến; phương pháp tính các loại tích phân (tích phân xác định, tích phân suy rộng...) và ứng dụng của chúng; các kiến thức về chuỗi số, chuỗi hàm các loại phương trình vi phân thường gặp.

9. Nhập môn tin học

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Nội dung:* Giới thiệu chung về tin học bao gồm: các khái niệm cơ bản, cấu trúc phần cứng máy tính, phần mềm và các loại phần mềm; Giới thiệu hệ điều hành, hệ điều hành Windows và các thao tác; Thuật toán và các biểu diễn thuật toán; Ngôn ngữ lập trình Pascal bao gồm: Các thành phần cơ bản của ngôn ngữ lập trình Pascal; nhập - xuất thông tin; các cấu trúc điều khiển; các kiểu dữ liệu có cấu trúc và chương trình con; Sử dụng ngôn ngữ lập trình pascal cài đặt giải quyết các bài toán từ cơ bản đến nâng cao.

10. Giáo dục thể chất I (TD + ĐK) 1

Số TC: 01

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Nội dung:* Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học Đại cương (giai đoạn 1).

11. Giáo dục thể chất I (TD + ĐK) 2

Số TC: 01

- *Điều kiện tiên quyết:* Giáo dục thể chất I (TD + ĐK) 1.

- *Nội dung:* Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học Đại cương (giai đoạn 1).

12. Giáo dục thể chất I (TD + ĐK) 3

Số TC: 01

- *Điều kiện tiên quyết:* Giáo dục thể chất I (TD + ĐK) 2.

- *Nội dung*: Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học Đại cương (giai đoạn 1).

13. Giáo dục thể chất II (Bóng chuyền 1)

Số TC: 01

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Nội dung*: Nội dung ban hành tại Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học và cao đẳng (Không chuyên thể dục thể thao).

14. Giáo dục thể chất II (Bóng chuyền 2)

Số TC: 01

- *Điều kiện tiên quyết*: Giáo dục thể chất II (Bóng chuyền 1).

- *Nội dung*: Nội dung ban hành tại Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học và cao đẳng (Không chuyên thể dục thể thao).

15. Giáo dục quốc phòng - an ninh 1

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục quốc phòng-an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

16. Giáo dục quốc phòng - an ninh 2

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Giáo dục quốc phòng - an ninh 1.

- *Nội dung*: Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục quốc phòng-an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

17. Kinh tế vi mô

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Nội dung*: Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và Chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.

18. Kinh tế vĩ mô

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

19. Phương pháp nghiên cứu kinh tế

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Môn học cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, tổ chức công tác nghiên cứu khoa học, nội dung các phương pháp nghiên cứu kinh tế chủ yếu, phương pháp tích lũy tài liệu, xử lý và phân tích tài liệu bằng phương pháp thống kê và phương pháp toán kinh tế, phương pháp nghiên cứu và viết luận văn tốt nghiệp đại học.

20. Phân tích hoạt động kinh doanh

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Phân tích hoạt động kinh doanh là việc chuyên sâu nghiên cứu, đánh giá toàn bộ hoạt động kinh doanh doanh nghiệp căn cứ vào các tài liệu hạch toán khác bằng cách phân tích tổng hợp, so sánh số liệu và phân giải mối liên hệ nhằm làm rõ chất lượng hoạt động kinh doanh, các nguồn tiềm năng cần được khai thác; trên cơ sở đó đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

21. Kinh doanh quốc tế

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản về kinh doanh quốc tế như: môi trường, nội dung của kinh doanh quốc tế, liên kết kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế, chính sách ngoại thương, hợp đồng ngoại thương, đầu tư quốc tế, hệ thống tiền tệ quốc tế, thanh toán quốc tế....

22. Kinh tế phát triển

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế. Vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phúc lợi. Lao động

và nguồn vốn với phát triển kinh tế. Trang bị kiến thức về cơ sở khoa học của các mô hình kinh tế và các chính sách kinh tế.

23. Tài chính – Tiền tệ

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Học phần nghiên cứu về những vấn đề cơ bản trong lĩnh vực tài chính-tiền tệ: tiền đề, bản chất, chức năng, vai trò của các khâu cơ bản trong hệ thống tài chính. Nội dung chủ yếu bao gồm: hoạt động tài chính trong các lĩnh vực: ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tiền tệ. Nghiên cứu các định chế tài chính trung gian và vấn đề tín dụng, lãi suất tín dụng

24. Kinh tế lượng

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Toán cao cấp.

- *Nội dung*: Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

25. Nguyên lý kế toán

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; Các phương pháp kế toán; Quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

26. Dân số và môi trường

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Nội dung*: Dân số và môi trường là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị nhân lực. Nội dung của học phần trình bày những kiến thức cơ bản về dân số và môi trường: Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học; Quy mô và cơ cấu dân số; Biến động tự nhiên của dân số; Di dân và đô thị hóa; Dân số với tài nguyên và môi trường; Quản lý dân số và môi trường.

27. Nguồn nhân lực

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Nội dung*: Nguồn nhân lực là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị nhân lực. Nội dung của học phần trình bày những kiến thức cơ bản về về nguồn nhân lực: Những đặc điểm chủ yếu của nguồn nhân lực Việt Nam; Đào tạo nguồn nhân lực; Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao trong nền kinh tế thị trường.

28. Thống kê lao động

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Kinh tế vi mô.

- *Nội dung*: Học phần Thống kê lao động nghiên cứu quá trình hình thành, phân phối và sử dụng nguồn lực về lao động, tính chất của lao động và các hình thái tổ chức lao động; thị trường nhân công, thất nghiệp, mức độ thu hút nguồn lao động vào sản xuất kinh doanh, nguồn lao động chưa được sử dụng, số lượng cấu thành lao động trong nền kinh tế quốc dân cũng như trong từng đơn vị kinh tế; nghiên cứu tình hình sử dụng thời gian lao động, tính và phân tích năng suất lao động, thù lao lao động, môi trường và điều kiện lao động,...

29. Tâm lý học lao động

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Tâm lý học lao động là môn khoa học chuyên ngành của chuyên ngành Tâm lý học, nó nghiên cứu sự phát sinh, phát triển và sự biến đổi của các hiện tượng tâm lý con người trong lao động để tiến hành tổ chức lao động khoa học, đưa ra các thể chế lao động hợp lý nhằm sử dụng có hiệu quả người lao động và mang lại hạnh phúc cho họ.

Nội dung của học phần tâm lý học lao động gồm giới thiệu tổng quan về tâm lý học lao động, cơ sở tâm lý của tổ chức quá trình lao động, tâm lý học an toàn lao động, cơ sở tâm lý của nhóm, đặc điểm tâm lý của lao động quản lý và kích thích tâm lý người lao động.

30. Quản trị học

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận căn bản về quản trị học vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại), các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra, kiểm soát). Học phần cũng cập nhật một số vấn đề mới về quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị đổi mới, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

31. Quản trị nhân lực

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Quản trị học.

- *Nội dung*: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân sự trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.

32. Đàm phán kinh doanh

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Học phần Đàm phán kinh doanh bao gồm những vấn đề cơ bản về đàm phán trong kinh doanh, quá trình đàm phán trong kinh doanh, các kỹ thuật trong đàm phán kinh doanh, văn hóa trong đàm phán kinh doanh quốc tế.

33. Tạo lập và phát triển doanh nghiệp

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Học phần Tạo lập và phát triển doanh nghiệp bao gồm những vấn đề cơ bản về nền kinh tế, những đặc trưng tác động đến nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh của các doanh nhân của nước ta; Kỹ năng hình thành ý tưởng kinh doanh của người khởi sự kinh doanh; Các khâu công việc cơ bản trong quá trình soạn thảo kế hoạch kinh doanh; Kỹ thuật và các nội dung cần làm khi thành lập doanh nghiệp; Hạn chế của các mô hình tổ chức doanh nghiệp và việc tái lập nó.

34. Tổ chức lao động

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Tổ chức lao động là môn khoa học nghiên cứu về mối quan hệ giữa các yếu tố của quá trình sản xuất bao gồm: người lao động, đối tượng lao động và công cụ lao động, để đảm bảo sự kết hợp giữa các yếu tố đó theo cách tốt nhất; từ đó sẽ thúc đẩy khả năng tăng năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Nội dung của học phần trình bày những kiến thức cơ bản về cơ sở của phương pháp tổ chức lao động trong doanh nghiệp; Phân công và hiệp tác lao động trong doanh nghiệp; Thiết kế và hợp lý hoá phương pháp lao động; Tổ chức và phục vụ nơi làm việc; Cải thiện điều kiện lao động và xây dựng chế độ làm việc nghỉ ngơi hợp lý; Tổ chức lao động quản lý trong doanh nghiệp và Đánh giá công tác tổ chức lao động trong doanh nghiệp .

35. Định mức lao động

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Nội dung:* Định mức lao động là công cụ sắc bén trong quản lý, là cơ sở để lập kế hoạch và hạch toán sản xuất - kinh doanh, tổ chức sản xuất và tổ chức lao động, để tính toán giao việc và trả công lao động cho từng bộ phận, từng người lao động. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý luận và phương pháp một cách có hệ thống, giải quyết các vấn đề thực tiễn sinh động của công tác định mức lao động. Đây là những kiến thức mà cán bộ làm công tác quản trị nhân sự, tiền lương trong các doanh nghiệp, tổ chức quan tâm.

36. Hoạch định nhân lực

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Nội dung:* Học phần được thiết kế nhằm giới thiệu cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực nói chung, hoạch định nguồn nhân lực nói riêng. Học phần gồm các nội dung: Lợi ích của hoạch định nhân lực, Quy trình hoạch định nhân lực, Các phương pháp hoạch định nhân lực và Tinh giản biên chế.

37. Tuyển chọn và sử dụng nhân lực

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị nhân lực

- *Nội dung:* Học phần nghiên cứu các nội dung sau: Các khái niệm, tầm quan trọng, yêu cầu, quá trình của tuyển dụng, tuyển chọn nhân lực và vai trò và quyền hạn của bộ phận chuyên trách về nguồn nhân lực trong tuyển dụng tuyển chọn nhân lực trong tổ chức. Cách thức định hướng nhân lực, biên chế nhân lực trong nội bộ doanh nghiệp đảm bảo hợp lý và khoa học.

38. Quản trị thực hiện công việc

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học.

- *Nội dung:* Học phần cung cấp các kiến thức chuyên ngành cốt lõi về phân tích công việc và quản lý thực hiện công việc trong mối quan hệ chặt chẽ với các mục tiêu chiến lược của tổ chức và các hoạt động quản trị nhân lực khác như trả lương, đào tạo, tuyển dụng. Học phần bao gồm các nội dung chính như khái niệm về phân tích công việc và quản lý thực hiện công việc; Nội dung Bản mô tả công việc, Bản Yêu cầu công việc đối với người thực hiện, Bản Tiêu chuẩn thực hiện công việc và mối quan hệ của chúng với quản lý thực hiện công việc và các hoạt động quản trị nhân lực khác; Các yếu tố của hệ thống đánh giá và mối quan hệ giữa tiêu chuẩn đánh giá với các mục tiêu chiến lược của tổ chức; Quy trình và phương pháp đánh giá thực hiện công việc; Các yếu tố cấu thành năng lực và tiêu chí đánh giá năng lực; Vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan trong phân tích và quản lý kết quả thực hiện; Nâng cao kết quả thực hiện công việc và kế hoạch phát triển cá nhân.

39. Quản trị tiền công, tiền lương trong doanh nghiệp

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Quản trị học.

- *Nội dung*: Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng bổ trợ cho công tác quản trị kinh doanh. Đó là những kiến thức cơ bản nhất về tiền lương tối thiểu, thang bảng lương, phụ cấp lương, tiền lương, tiền thưởng trong doanh nghiệp. Người học có thể tác động vào hệ thống tiền lương, thưởng, phụ cấp để phát huy tính kích thích tăng năng suất lao động, hiệu quả làm việc, nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc, gắn bó và cống hiến cho doanh nghiệp,....

40. Đào tạo nhân lực

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Đào tạo nhân lực là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị nhân lực. Nội dung của học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn nhân lực và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong nền kinh tế thị trường. Căn cứ mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 4 chương: Một số vấn đề cơ bản về nguồn nhân lực; Những đặc điểm chủ yếu của nguồn nhân lực Việt Nam; Đào tạo nguồn nhân lực; Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao trong nền kinh tế thị trường.

41. An toàn lao động

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: An toàn lao động là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị nhân lực. Nội dung của học phần trình bày những kiến thức cơ bản về an toàn lao động và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương: Những khái niệm chung về khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động; Luật pháp, chế độ chính sách bảo hộ lao động; Kỹ thuật vệ sinh lao động; Kỹ thuật an toàn lao động; An toàn phòng chống cháy nổ; Hoạt động bảo hộ lao động trong doanh nghiệp.

42. Kinh tế và quản lý môi trường

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Kinh tế và quản lý môi trường là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị nhân lực. Nội dung của học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học môi trường và quản lý môi trường xem xét dưới góc độ kinh tế. Căn cứ mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương: Khái quát về kinh tế môi trường; Môi trường và phát triển; Kinh tế học chất lượng môi trường; Đánh giá tác động môi trường và phân

tích kinh tế của những tác động môi trường; Khan hiếm tài nguyên, dân số, kinh tế và môi trường; Quản lý môi trường.

43. Quản trị chiến lược

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Quản trị học.

- *Nội dung*: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: các khái niệm về chiến lược và quản trị chiến lược, các bước công việc trong hoạch định một chiến lược của doanh nghiệp như phân tích môi trường kinh doanh bên ngoài, phân tích môi trường kinh doanh bên trong doanh nghiệp, xác định mục tiêu quan điểm của lãnh đạo doanh nghiệp, hình thành các phương án, đánh giá lựa chọn chiến lược tối ưu, các nội dung về tổ chức thực hiện cũng như kiểm tra điều chỉnh chiến lược

44. Quản trị tài chính

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Quản trị học.

- *Nội dung*: Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm phân tích rủi ro, lập kế hoạch tài chính, cơ cấu vốn, lượng giá và chi phí vốn

45. Quản lý nhà nước về lao động

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Quản trị học.

- *Nội dung*: Quản lý nhà nước là một môn khoa học ứng dụng. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng về quản lý lao động trên tầm vĩ mô (quản lý Nhà nước). Thông qua việc làm rõ vai trò của Nhà nước trong quản lý lao động và các nguyên lý cơ bản về sự can thiệp của Nhà nước trong thị trường lao động, các cơ quan đại diện, người sử dụng lao động và đại diện người lao động nhằm tạo điều kiện thiết lập mối quan hệ giữa quản lý - lao động trở nên tốt hơn trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

46. Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Quản trị học.

- *Nội dung*: Nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội tổng hợp các nội dung liên quan đến quy định về Bảo hiểm xã hội do Nhà nước ban hành. Đồng thời, hệ thống khái quát các vấn đề về bảo hiểm xã hội mà người lao động có quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia. Các nội dung về tài chính liên quan đến bảo hiểm xã hội và cách thức tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động cũng được đề cập đến.

47. Xã hội học

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Xã hội học nghiên cứu các tương tác và hành vi xã hội của con người, của hệ thống xã hội; nghiên cứu vào cấu trúc, sự phát triển của các tương tác và hành vi xã hội; trên cơ sở đó xác định các quy luật của tương tác và hành vi xã hội.

48. Quản trị doanh nghiệp

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Quản trị học

- *Nội dung*: Môn học này cung cấp kiến thức về cách thức tổ chức doanh nghiệp trong thực tế, cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng quản trị trong doanh nghiệp. Giúp sinh viên có được những kỹ năng ra quyết định trong điều kiện cụ thể của doanh nghiệp tương ứng với hoàn cảnh của nền kinh tế.

49. Văn hóa kinh doanh

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Không.

- *Nội dung*: Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp ứng xử, văn hóa ứng xử trong kinh doanh và trong môi trường kinh doanh đa văn hóa. Trước tiên sinh viên được làm quen với một số khái niệm cơ bản về ứng xử, về giao tiếp và về giao tiếp trong kinh doanh. Sau đó sinh viên được học các yếu tố cơ bản của văn hóa kinh doanh và mối liên hệ của các yếu tố đó tới văn hóa ứng xử trong kinh doanh. Sinh viên được học văn hóa ứng xử không chỉ giữa các mối quan hệ trong cùng một doanh nghiệp mà còn với các mối quan hệ bên ngoài doanh nghiệp. Song song với việc học các nguyên tắc ứng xử sinh viên được thực thành những tình huống cụ thể để từ đó biết cách vận dụng những lý thuyết đã học vào tình huống thực tế.

50. Quan hệ lao động

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Quản trị nhân lực

- *Nội dung*: Quan hệ lao động là học phần thuộc lĩnh vực kinh tế xã hội nghiên cứu sâu về mối quan hệ giữa người sử dụng lao động – người lao động – Nhà nước. Học phần trang bị cơ sở lý luận; các vấn đề thực tiễn của quan hệ lao động Việt Nam và các kỹ năng tác nghiệp cần thiết trong quan hệ lao động.

51. Hành vi tổ chức

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Tâm lý học lao động

- *Nội dung*: Học phần Hành vi tổ chức nghiên cứu về những hành vi cá nhân trong tổ chức, tìm hiểu những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm, tổ chức

nhằm mục đích thiết kế và thay đổi hành vi tổ chức để đạt hiệu quả cao hơn. Học phần sẽ giúp sinh viên hiểu được những kiến thức về hành vi tổ chức, chuẩn bị cho mình những kỹ năng, kinh nghiệm cũng như thái độ tự tin và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài nước để tự tin bước vào môi trường làm việc cũng như phát triển bản thân trong bất kỳ tổ chức nào.

52. Kinh tế lao động

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Nội dung*: Học phần cung cấp những kiến thức cơ sở ngành cốt lõi và những ứng dụng thực tiễn để phân tích những nguyên lý kinh tế chi phối ba nhân tố trong thị trường lao động là người lao động, doanh nghiệp và chính phủ, bao gồm việc phân tích thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến cầu lao động của doanh nghiệp cũng như các nhân tố chi phối người lao động khi tham gia cung ứng lao động trên thị trường, các yếu tố ảnh hưởng đến tiền công, mối quan hệ giữa tiền công và năng suất lao động, phân tích lợi ích và chi phí của doanh nghiệp và người lao động trong việc đào tạo lao động, các chính sách của chính phủ và tác động của các chính sách tới thị trường lao động nói chung và thị trường lao động khu vực công nói riêng.

53. Quản trị nhóm làm việc

Số TC: 02

- *Điều kiện tiên quyết*: Quản trị nhân lực.

- *Nội dung*: Quản trị nhóm làm việc là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung : khái quát về nhóm làm việc và quản trị nhóm làm việc; vai trò trách nhiệm và phẩm chất của nhà quản trị nhóm làm việc ; quy trình và kỹ năng xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; các hình thức và kỹ năng giao tiếp nhóm; lãnh đạo và động viên nhóm làm việc, các dạng xung đột nhóm và cách thức giải quyết xung đột nhóm.

54. Quản lý nguồn nhân lực

Số TC: 03

- *Điều kiện tiên quyết*: Quản trị nhân lực.

- *Nội dung*: Học phần mô tả về tầm quan trọng và những xu hướng chung của công tác quản trị nguồn nhân lực bên trong mỗi tổ chức hiện nay.

Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về những công tác quản trị nguồn nhân lực cụ thể như hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, quản trị tiền lương, hệ thống đãi ngộ và quan hệ lao động trong tổ chức.

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

3. Cam kết triển khai thực hiện

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ GD & ĐT
- Phòng Đào tạo, Văn thư
- Lưu